TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 662/2019/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 1037/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 6927/UBND-TNMT ngày 11/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện CC,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Đương sự vắng mặt tại Phiên hòa giải là Ủy ban nhân dân huyện CC có văn bản đồng ý với sự thỏa thuận của các đương sự theo Biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà NTH, sinh năm: 1958

Ông NVĐ, sinh năm: 1956

Cùng địa chỉ: Số 2076 tỉnh lộ 8, ấp 2, xã BM, huyện CC, Thành phố H.

- Bị đơn: BTSGHPGVN Thành phố H.

Địa chỉ: Số 242 - 244 đường 3 tháng 2, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông CVT (Theo Giấy ủy quyền số 441/GUQ/PG.TP ngày 02/10/2015.

Địa chỉ: Số 227-229 NTS, Phường 7, quận GV, Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố H.

Địa chỉ: Số 77 tỉnh lộ 8, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NVD (Theo Giấy ủy quyền số 418/UQ-UBND ngày 10/01/2019).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 33/1912/QSDD/8.4.1995 có diện tích 15.127 m^2 thuộc các thửa đất số 224, 214, 215, 136, 216, 217, 221, 222, 223 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố H mà Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã cấp cho ông Đinh Văn Trên đại diện chùa Thái Sơn ngày 08/4/1995.

[2] Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 33/1912/QSDD/8.4.1995 có diện tích 7.425 m^2 thuộc các thửa 220, 218, 219, 304, 305, 306, 307, 316 tờ bản đồ số 5 tọa lạc xã BM, huyện CC, Thành phố H mà Ủy ban nhân dân huyện CC đã cấp cho ông Đinh Văn Trên đại diện chùa Thái Sơn ngày 08/4/1995.

[3] Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 22.205,8 m^2 theo Bản vẽ hiện trạng vị trí được Trung tâm đo đạc bản đồ – Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 12/3/2019 đối với các thửa đất 136, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224 304, 305, 306, 307 và 316 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã BM, huyện CC, Thành phố H theo tài liệu chỉ thị 02/CT-UB tương ứng với các thửa hiện nay bao gồm số 363-1, 364, 365-1, 366-1, 367, 368, 369-1, 370-1 tờ bản đồ số 16, Bộ địa chính xã Bình Mỹ, huyện CC theo tài liệu năm 2004 cho ông NVĐ và bà NTH (đã trừ phần diện tích lấn chiếm Rạch Nhum). Ông Đ, bà H được quyền liên hệ cơ quan có chức năng để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Chi phí xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ và bà H tự chịu.

[4] Đối với án phí dân sự sơ thẩm của vụ án thì ông Đ và bà H tự nguyện chịu. Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 07/5/2019 thì án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu khi thỏa thuận được là 62.327.708 (sáu mươi hai triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm lẻ tám) đồng. Tuy nhiên, do ông Đ và bà H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí và ông bà thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên ông Đ, bà H được miễn 1/2 tiền án phí của vụ án, đối với phần tiền ông Đ, bà H nộp thay cho Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H thì ông bà phải đóng theo quy định pháp luật. Do đó, ông Đ, bà H phải đóng số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.163.854 (ba mươi mốt triệu một trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm năm mươi tư) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Đương sự;
- Cục THADS TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Phương